

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH L. ĐỒNG**

Bản án số: 45/2021/DS- ST

Ngày: 27 - 8 -2021.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng đặt
cọc, phạt cọc*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong** – Thẩm phán.

- Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Nguyễn Thị Tài**

- Ông **Phạm Đức M** .

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bảo L , tỉnh L. Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L , tỉnh L. Đồng tham gia phiên
tòa: Bà **Vũ Ngọc Anh** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo
L , tỉnh L. Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự
thụ lý số 22/2021/TLST- DS ngày 03 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng
đặt cọc, phạt cọc*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-DS
ngày 06 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Thái Khánh H** , sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh L. Đồng.

Người được nguyên đơn ủy quyền: Ông **Phạm Tiến L** ; sinh năm 1986.

Địa chỉ: 75/16. Huỳnh Thúc Kháng, phường 2, Bảo Lộc, L. Đồng (Có mặt).

Bị đơn: Bà **Lê Thị M** , sinh năm 1969, ông **Hồ Sỹ Đ** , sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn 3, xã B’ Lát, huyện Bảo L , tỉnh L. Đồng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11-01-2021 cùng những lời trình bày của nguyên
đơn thể hiện:

Ngày 23/10/2020 giữa ông Thái Khánh H với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà
Lê Thị M ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn
liền với đất, nội dung vợ chồng ông Đ bà M chuyển nhượng cho ông H các thửa
đất 67, 60, 66, tờ bản đồ 07 xã Lộc Quảng, huyện Bảo L , tỉnh L. Đồng và một phần
diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá chuyển
nhượng 03 thửa đất có sổ đỏ là 2.255.960.000đồng còn phần đất chưa có sổ đỏ hai
bên thỏa thuận khi nào làm được sổ đỏ chuyển nhượng sau, khi ký hợp đồng đặt cọc
ông H giao cho vợ chồng ông Đ bà M 500.000.000 đồng. Hai bên thống nhất ngày
23/12/2020 ra phòng công chứng làm thủ tục chuyển nhượng 03 thửa đất trên. Đến
ngày 23/12/2020 ông H với vợ chồng ông Đ bà M đến phòng Công chứng để ký
hợp đồng chuyển nhượng 03 thửa đất trên nhưng đối với địa bàn xã Lộc Quảng giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp trước năm 2015 nếu diện tích, hình thể thực

tế có sự thay đổi đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đất mới theo diện tích và hiện trạng thực tế sau đó mới làm thủ tục chuyển nhượng, do ông H biết thông tin như vậy nên ông H không đồng ý ký hợp đồng nhận chuyển nhượng 03 thửa đất trên theo hợp đồng đặt cọc ngày 23/10/2020, sau đó ông H yêu cầu vợ chồng ông Đ bà M phối hợp với ông H để giải quyết vấn đề cấp đổi sổ xong sau đó tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, đến ngày 30/12/2020 ông H với vợ chồng ông Đ bà M đến phòng công chứng để tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng với mong muốn toàn bộ thửa đất trên nhập lên hệ thống mạng công chứng nên ông Đ bà M không chuyển nhượng được 03 thửa đất trên cho người khác; trong thời gian này sẽ tiến hành thủ tục cấp đổi sổ nhưng vợ chồng ông Đ bà M không đồng ý nên hai bên không ký hợp đồng chuyển nhượng được, nên ông H làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 23/10/2020 giữa ông Thái Khánh H với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M, ông H yêu cầu vợ chồng ông Đ bà M trả lại số tiền đặt cọc 500.000.000 đồng và 1.500.000.000 đồng tiền phạt cọc. Tổng cộng ông H yêu cầu 2.000.000.000 đồng.

Đến ngày 04/6/2021 ông H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông H đề nghị Tòa án tuyên hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 23/10/2020 giữa ông Thái Khánh H với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M ông H yêu cầu vợ chồng ông Đ bà M trả lại số tiền đặt cọc 500.000.000 đồng ông H không yêu cầu phạt cọc.

Ý kiến vợ chồng ông Đ bà M : Ngày 23/10/2020 giữa vợ chồng ông Đ bà M với ông Thái Khánh H ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, nội dung của hợp đồng đặt cọc vợ chồng ông Đ bà M chuyển nhượng cho ông H các thửa đất 67, 60, 66, tờ bản đồ 07 xã Lộc Quảng, huyện Bảo L, tỉnh L. Đồng và một phần diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá chuyển nhượng 03 thửa đất có sổ đỏ là 2.255.960.000 đồng còn phần đất chưa có sổ đỏ hai bên thỏa thuận khi nào làm được sổ đỏ chuyển nhượng sau, khi ký hợp đồng đặt cọc ông H giao cho vợ chồng ông Đ bà M 500.000.000 đồng. Hai bên thống nhất ngày 23/12/2020 đến phòng công chứng làm thủ tục chuyển nhượng 03 thửa đất trên. Đến ngày 23/12/2020 ông H với vợ chồng ông Đ bà M đến phòng Công chứng Nguyễn Thị Thanh Loan, địa chỉ số 81, Lê Duẩn, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh L. Đồng để ký hợp đồng chuyển nhượng 03 thửa đất trên nhưng không làm thủ tục chuyển nhượng được nguyên nhân như thế nào thì vợ chồng ông Đ bà M không biết, sau đó vợ chồng ông Đ bà M có trao đổi với ông H do đã chiều tối nên để hôm sau (ngày 24/12/2020) ra phòng công chứng tiếp tục làm thủ tục chuyển nhượng thì ông H đồng ý, ngày hôm sau vợ chồng ông Đ cùng em trai Hồ Văn Đông và con trai tên Hồ Sỹ Đăng đến phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh Loan chờ ông H từ 07 giờ 30 cho đến 12 giờ nhưng ông H không có mặt, vợ chồng ông Đ bà M có gọi điện thoại nhiều lần nhưng ông H không nghe máy nên vợ chồng ông Đ bà M đi về, đến ngày 30/12/2020 ông H đi vào nhà vợ chồng ông Đ bà M yêu cầu ra ký hợp đồng chuyển nhượng theo giấy đặt cọc thì bà M có nói ông H phải bù thêm cho vợ chồng bà 200.000.000 đồng vì vợ chồng bà đã mất cọc ở mảnh đất khác 400.000.000 đồng nhưng ông H không đồng ý, sau khi ông H đi khỏi nhà thì ông Đ yêu cầu vợ và con trai là Đăng ra

phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh Loan, mục đích vợ chồng ông ra phòng công chứng nếu thương lượng được thì tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng theo giấy đặt cọc ngày 23/10/2020 nếu không thương lượng được thì không chuyển nhượng, khi đến phòng công chứng hai bên thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng theo giấy đặt cọc ngày 23/10/2020 nhưng công chứng viên yêu cầu có phải người làm chứng, sau đó vợ chồng ông Đ bà M gọi ông Hùng đến làm chứng, khi đến ông Hùng có xem giấy tờ và thắc mắc tại sao hôm trước không làm thủ tục chuyển nhượng được hôm nay lại làm được, nên ông Hùng nói với vợ chồng ông Đ bà M là không ký hợp đồng chuyển nhượng nên hai bên không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng theo giấy đặt cọc ngày 23/10/2020, việc hai bên không thực được hợp đồng chuyển nhượng đất theo giấy đặt cọc ngày 23/10/2020 là hoàn toàn do lỗi của ông Thái Khánh H nên ông H phải mất cọc là 500.000.000 đồng, do vậy ông H làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ bà M trả lại số tiền đặt cọc 500.000.000 đồng vợ chồng ông Đ bà M không đồng ý.

Ngày 16/3/2021 vợ chồng ông Đ bà M có đơn yêu cầu `đề nghị Tòa án tuyên hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 23/10/2020 giữa ông Thái Khánh H với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M và yêu cầu ông H phải thanh toán tiền công, tiền thuê xe và tiền mất cọc do vợ chồng ông Đ bà M mua mảnh đất khác với tổng số tiền là 403.950.000 đồng. Đến ngày 04/6/2021 vợ chồng ông Đ bà M thay đổi yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 23/10/2020 giữa ông Thái Khánh H với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M và do ông H vi phạm hợp đồng đặt cọc nên ông H phải mất cọc là 500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn, vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Bị đơn thay đổi một phần lời trình bày của mình ông Đ bà M cho rằng ngày 30/12/2020 đồng ý tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản trên đất theo giấy đặt cọc ngày 23/10/2020 với điều kiện ông H phải hỗ trợ thêm cho vợ chồng ông Đ bà M 200.000.000 đồng để vợ chồng ông Đ bà M bù vào phần tiền mất cọc ở mảnh đất khác mà vợ chồng ông Đ bà M nhận chuyển nhượng.

Vợ chồng ông Đ bà M mời ông Hùng ra phòng Công chứng với hai mục đích là xem xét giấy tờ dùm vợ chồng ông Đ bà M nếu vợ chồng ông Đ bà M thương lượng được với ông H về việc tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng thì sẽ nhờ ông Hùng làm chứng.

Sau khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thái Khánh H về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc, phạt cọc*” với vợ chồng ông **Hồ Sỹ Đ** và bà **Lê Thị M**

Tuyên hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Thái Khánh H với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M được ký kết ngày 23/10/2020

Bác yêu cầu đòi lại số tiền cọc 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng của ông Thái Khánh H đối với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M .

Về án phí : Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 23/10/2020 giữa ông Thái Khánh H với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M , thể hiện vợ chồng ông Đ bà M chuyển nhượng cho ông H các thửa đất 67, 60, 66, tờ bản đồ 07 xã Lộc Quảng, huyện Bảo L , tỉnh L Đồng và một phần diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá chuyển nhượng 03 thửa đất có sổ đỏ là 2.255.960.000 đồng, khi ký hợp đồng đặt cọc ông H giao cho vợ chồng ông Đ bà M 500.000.000 đồng. Hai bên thống nhất ngày 23/12/2020 đến phòng công chứng làm thủ tục chuyển nhượng 03 thửa đất trên. Hợp đồng đặt cọc còn quy định nếu bên mua không đúng theo thỏa thuận đặt cọc thì mất cọc nếu bên bán không bán thì phải bồi thường gấp 3 lần số tiền đặt cọc.

[2] Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 23/10/2020 giữa ông Thái Khánh H với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật các bên ký kết với nhau hoàn toàn tự nguyện mục đích của hợp đồng đặt cọc để Đ bảo cho việc chuyển nhượng các thửa đất 67, 60, 66, tờ bản đồ 07 xã Lộc Quảng, huyện Bảo L , tỉnh L Đồng.

[3] Thực hiện hợp đồng đặt cọc ngày 23/12/2020 ông H với vợ chồng ông Đ bà M đến phòng công chứng làm thủ tục chuyển nhượng 03 thửa đất trên, tuy nhiên ông H cho rằng đối với địa bàn xã Lộc Quảng nếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp trước năm 2015 nếu diện tích, hình thể thực tế có sự thay đổi đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đất mới theo diện tích và hiện trạng thực tế sau đó mới làm thủ tục chuyển nhượng, do ông H biết thông tin như vậy nên ông H không đồng ý ký hợp đồng nhận chuyển nhượng 03 thửa đất trên theo hợp đồng đặt cọc (Người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày) lời trình bày trên là không có cơ sở chấp nhận vì qua xác M tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo L thì 03 thửa đất trên không phải đo đạc lại cấp giấy chứng nhận quyền sử đất mới rồi mới chuyển nhượng được, hơn nữa tại phiên tòa ông L cũng khẳng định các thửa đất trên sẽ làm thủ tục Công chứng được chứng tỏ rằng ông H không có thiện chí ký hợp đồng công chứng nhận chuyển nhượng đất và tài sản trên đất theo hợp đồng đặt cọc vì theo hợp đồng đặt cọc các bên chỉ thỏa thuận với nhau là ngày 23/12/2020 ra phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng, hơn nữa khi ký hợp đồng đặt cọc ông H đã biết rõ toàn bộ diện tích đất mà ông ký hợp đồng đặt cọc sau đó nhận chuyển nhượng có sự chênh lệch về diện tích hình thể hay không. Ngày 30/12/2020 ông Đ bà M vẫn đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng theo giấy đặt cọc nhưng với điều

kiện ông H phải hỗ trợ thêm 200.000.000 đồng nhưng ông H không đồng ý, việc các bên không ký kết được hợp đồng công chứng theo giấy đặt cọc ngày 23/10/2020, lỗi này không thuộc về vợ chồng ông Đ bà M . Theo hợp đồng đặt cọc của các bên thể hiện nếu bên mua không đúng theo thỏa thuận đặt cọc thì mất cọc do ông H vi phạm hợp đồng đặt cọc nên áp dụng Điều 275 Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thái Khánh H tuyên hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 23/10/2020 giữa ông Thái Khánh H với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M . Bác toàn bộ yêu cầu đòi lại số tiền cọc 500.000.000 đồng của ông Thái Khánh H đối với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M .

[4] Các bên vừa thực hiện hợp đồng đặt cọc chưa giao nhận đất nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ trên đất đối với ông H .

[5] Ngày 16/3/2021 vợ chồng ông Đ bà M có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 23/10/2020 giữa ông Thái Khánh H với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M và yêu cầu ông H phải thanh toán tiền công, tiền thuê xe và tiền mất cọc do vợ chồng ông Đ bà M mua mảnh đất khác với tổng số tiền là 403.950.000 đồng. Đến ngày 04/6/2021 vợ chồng ông Đ bà M thay đổi yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 23/10/2020 giữa ông Thái Khánh H với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M do ông H vi phạm hợp đồng đặt cọc nên ông H phải mất cọc là 500.000.000 đồng, đây không phải là yêu cầu phản tố chỉ là yêu cầu phản bác của bị đơn đối với nguyên đơn.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện về việc hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 23/10/2020 giữa ông Thái Khánh H với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M được Tòa án chấp nhận nên vợ chồng ông Đ bà M phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

Do yêu cầu khởi kiện trả lại tiền đặt cọc của ông Thái Khánh H không được Tòa án chấp nhận nên ông H phải chịu 24.000.000 đồng án phí DSST (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275; Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015.

1/Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thái Khánh H về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc, phạt cọc*” với vợ chồng ông **Hồ Sỹ Đ** và bà **Lê Thị M** .

Tuyên hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Thái Khánh H với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M được ký kết ngày 23/10/2020.

Bác yêu cầu đòi lại số tiền cọc 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng của ông Thái Khánh H đối với vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M .

2/Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Thái Khánh H phải nộp 24.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 36.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004818 ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L , tỉnh L . Đồng. Hoàn trả lại cho ông Thái Khánh H 12.000.000 đồng.

Buộc vợ chồng ông Hồ Sỹ Đ và bà Lê Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004927 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L , tỉnh L . Đồng.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L . Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L . Đồng;
- VKSND tỉnh L . Đồng;
- VKSND huyện Bảo L ;
- Chi cục THADS huyện Bảo L ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Phong

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tài Phạm Đức M

Nguyễn Đình Phong

